TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 909/2022/DS-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thanh Phước**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà ***Trương Thị Hồng*** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 tháng 5 năm 2022 và ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1810/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST – DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST – DS ngày 04 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP S**

Địa chỉ: 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trương A (theo Giấy ủy quyền số 4612021/GUQ-CNBT ngày 31/12/2021)

Bị đơn: **Ông Phan Trung K**

Địa chỉ: C4/K3 Cư xá L, Phường H, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông Trương An trình bày:

Ngày 28/12/2015, bị đơn có ký với nguyên đơn hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện

phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng trong đó số tiền gốc là 843.918 đồng và lãi là 2.656.082 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/10/2017 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 30/5/2022, bị đơn còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.823.062 đồng
- Lãi quá hạn: 8.138.637 đồng.
- Tổng cộng: 11.961.699 đồng

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 11.961.699 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Thẩm phán còn Vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý cho các đương sự Điều 196 BLTTDS; vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Ngày 28/12/2015, bị đơn có ký với nguyên đơn hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng trong đó số tiền gốc là 843.918 đồng và lãi là 2.656.082 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/10/2017 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 30/5/2022, bị đơn còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.823.062 đồng
- Lãi quá hạn: 8.138.637 đồng.
- Tổng cộng: 11.961.699 đồng

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 11.961.699 đồng làm một lần và khoản lãi phát sinh từ ngày 31/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền bị đơn còn thiếu là 11.961.699 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời gian trả nợ: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả dứt điểm toàn bộ số nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng pháp luật nên chấp nhận.

- *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1.1 Buộc ông Phan Trung K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 11.961.699 đồng, trả ngay sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày 31/5/2022, ông Phan Trung K phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất được quy định trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 598.085 đồng ông Phan Trung K phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2019/0088678 ngày 05/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ngọc Yến

Nơi nhận:
- *Tòa án NDTP.HCM*
- *VKS ND Quận Bình Thạnh.*
- *THA DS Quận Bình Thạnh.*
- *Các đương sự*
- *LưuVP, HS*